

Số: *6.82*.../STTTT-KHTH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 5 năm 2016

Về việc hướng dẫn thực hiện thuê dịch vụ CNTT trong cơ quan nhà nước

Kính gửi:

- Các Sở – ban – ngành;
- Ủy ban nhân dân 24 quận, huyện;
- Hội Tin học Thành phố;
- Chi hội An toàn thông tin phía nam.

Thực hiện Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2014 quy định thí điểm về thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước của Thủ tướng Chính phủ ; Quyết định số 5373/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ủy quyền quyết định đối với việc thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng vốn ngân sách nhà nước, Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn đến các đơn vị các bước thực hiện như sau:

A. Cơ sở pháp lý

Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Nghị Quyết 36a/NQ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;

Nghị định số 102/2009/NĐ-CP ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về quy định thí điểm về thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước;

Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Quyết định số 126/2007/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về quản lý thực hiện các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước của thành phố Hồ Chí Minh;

Quyết định số 49/2008/QĐ-UBND ngày 13 tháng 06 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về thành lập Sở Thông tin và Truyền thông trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố;

Quyết định số 61/2008/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành quy định công tác quản lý các dự án, hạng mục, hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin sử dụng vốn ngân sách nhà nước thành phố Hồ Chí Minh;

Công văn số 90/BTTTT-CNTT ngày 14 tháng 01 năm 2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc tổ chức triển khai Quyết định của Thủ tướng quy định thí điểm về thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước;

Công văn số 1047/BTTTT-CNTT ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc triển khai thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước;

Quyết định số 5373/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ủy quyền quyết định đối với việc thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng vốn ngân sách nhà nước;

Công văn số 3582/VP-CNN ngày 21 tháng 4 năm 2015 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Lê Mạnh Hà về việc triển khai thuê dịch vụ CNTT trong cơ quan nhà nước;

Công văn số 2826/UBND-CNN ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về triển khai thuê dịch vụ Công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước.

B. Nguyên tắc thuê dịch vụ CNTT trong cơ quan nhà nước

- Nâng cao hiệu quả của ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước, giảm đầu tư từ ngân sách nhà nước. Trong trường hợp khả thi, tiếp tục khai thác tối đa hạ tầng kỹ thuật, hệ thống thông tin, phần mềm, phần cứng, thông tin, dữ liệu đã có. Xem xét áp dụng hình thức thuê dịch vụ tập trung trong phạm vi nhiều cơ quan nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố đối với các dịch vụ công nghệ thông tin có tính chất, tính năng giống nhau mà nhiều cơ quan, đơn vị cùng có nhu cầu sử dụng.

- Thông tin, dữ liệu hình thành trong quá trình thuê dịch vụ và phần mềm được đặt hàng riêng để phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ (nếu có) là tài sản thuộc sở hữu của bên thuê. Nhà cung cấp dịch vụ có trách nhiệm chuyển giao đầy đủ các thông tin, dữ liệu, mã nguồn của phần mềm đặt hàng riêng nói trên và các công cụ cần thiết khi kết thúc hợp đồng để bảo đảm cơ quan nhà nước vẫn có thể khai thác sử dụng dịch vụ được liên tục kể cả trong trường hợp thay đổi nhà cung cấp dịch vụ.

- Bảo đảm các yêu cầu về chất lượng dịch vụ, về công nghệ, quy trình cung cấp dịch vụ; tính liên tục, liên thông, kết nối, đồng bộ về ứng dụng công nghệ thông tin trong mỗi bộ, ngành, tỉnh, thành phố và trên toàn quốc.

- Bảo đảm an toàn, bảo mật và tính riêng tư về thông tin, dữ liệu của cơ quan nhà nước; tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn, an ninh thông tin, cơ yếu và

Pháp lệnh bảo vệ bí mật nhà nước.

- Ưu tiên các doanh nghiệp, tổ chức mà trong đó các pháp nhân và thể nhân Việt Nam nắm quyền kiểm soát chi phối và nắm giữ cổ phần chi phối (đối với công ty cổ phần) hoặc nắm giữ phần vốn góp chi phối (đối với các loại hình doanh nghiệp khác) tham gia cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước. Trường hợp các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác thì thực hiện theo quy định của điều ước đó.

C. Thẩm quyền, trách nhiệm của các đơn vị

I. Đối với Sở Thông tin và Truyền thông (được UBND Thành phố ủy quyền xem xét, quyết định việc thuê dịch vụ công nghệ thông tin)

- Tiếp tục thực hiện ủy quyền theo Quyết định số 61/2008/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành quy định công tác quản lý các dự án, hạng mục, hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin sử dụng vốn ngân sách nhà nước thành phố Hồ Chí Minh.

- Hàng năm, Sở Thông tin và Truyền thông căn cứ nhu cầu thuê dịch vụ công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị trực thuộc (Chủ trì thuê dịch vụ) trên địa bàn thành phố, đề xuất nguồn vốn, tổng kinh phí đầu tư theo nội dung tiến độ xây dựng kế hoạch chung của thành phố và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính xem xét tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt giao chỉ tiêu kinh phí từ các nguồn vốn cho Sở Thông tin và Truyền thông.

- Là cơ quan đầu mối hướng dẫn thủ tục quy định và hỗ trợ Chủ trì thuê dịch vụ về thủ tục hành chính trong quản lý các dự án, hoạt động, hạng mục thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước sử dụng nguồn kinh phí chi sự nghiệp, nguồn kinh phí chi đầu tư phát triển và các nguồn vốn nhà nước hợp pháp khác.

- Hướng dẫn, đôn đốc Chủ trì thuê dịch vụ tích cực triển khai thuê dịch vụ trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý điều hành, tác nghiệp chuyên môn, cung cấp dịch vụ công trong cơ quan nhà nước. Ưu tiên bố trí kinh phí cho nhiệm vụ chi thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị trực thuộc;

- Tổng hợp nhu cầu thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong dự toán ngân sách chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển trung hạn 5 năm, hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước;

- Công khai rộng rãi trên cổng, trang thông tin điện tử của cơ quan mình các nội dung thông tin về kế hoạch, dự án thuê dịch vụ công nghệ thông tin;

- Phản ánh kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thí điểm về Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Phê duyệt kế hoạch (bao gồm: thuyết minh kế hoạch và dự toán), dự án (bao gồm: báo cáo dự án; tổng dự toán và báo cáo điều tra, khảo sát, nghiên cứu phân tích (nếu có)) thuê dịch vụ công nghệ thông tin quyết định việc thẩm định nội dung kế hoạch, dự toán, dự án, hoặc lấy ý kiến tham vấn của các cơ quan chuyên môn đồng cấp làm căn cứ phê duyệt kế hoạch, dự toán, dự án. Xem xét điều chỉnh Quyết định phê duyệt trong trường hợp Chủ trì thuê dịch vụ trình điều chỉnh dự

toán vượt so với dự toán đã được phê duyệt.

- Giám sát hoạt động thực hiện kế hoạch, dự án thuê dịch vụ công nghệ thông tin của các Chủ trì thuê dịch vụ theo quy định của Pháp luật.

- Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét chỉ đạo giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện; Báo cáo kết quả triển khai cho Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ Thông tin và Truyền thông.

II. Đối với các cơ quan, đơn vị trực thuộc (Chủ trì thuê dịch vụ)

Căn cứ kế hoạch, dự án thuê dịch vụ công nghệ thông tin được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Chủ trì thuê dịch vụ hoặc các cơ quan, đơn vị lập dự toán kinh phí thực hiện, tổng hợp vào dự toán ngân sách của cơ quan, đơn vị mình gửi cơ quan tài chính, kế hoạch đầu tư để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

1. Nguyên tắc sử dụng kinh phí thuê dịch vụ công nghệ thông tin

1.1. Trường hợp thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng nguồn kinh phí chi sự nghiệp, kinh phí cho việc thuê dịch vụ công nghệ thông tin là kinh phí được giao để thực hiện các nhiệm vụ không thường xuyên, không thực hiện chế độ tự chủ của cơ quan nhà nước, ***Chủ trì thuê dịch vụ thực hiện việc lập kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin*** theo hướng dẫn tại **Điểm 4.3 Khoản II Mục C** của hướng dẫn này và Luật Ngân sách nhà nước.

1.2. Trường hợp thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng nguồn kinh phí đầu tư phát triển, ***Chủ trì thuê dịch vụ lập dự án thuê dịch vụ công nghệ thông tin*** theo hướng dẫn tại **Điểm 4.4 Khoản II Mục C** của hướng dẫn này và các quy định của pháp luật về đầu tư công.

2. Lập dự toán thuê dịch vụ công nghệ thông tin

a) Chi phí thuê dịch vụ công nghệ thông tin: được xác định trên cơ sở số gói dịch vụ cần thuê, quy mô, phạm vi sử dụng của từng dịch vụ, đơn giá thuê dịch vụ trung bình trên thị trường. Việc lập dự toán và xác định giá gói dịch vụ được thực hiện căn cứ vào ít nhất một trong các tài liệu sau:

- Giá cung cấp dịch vụ của ít nhất 3 đơn vị (có chức năng hoạt động kinh doanh dịch vụ của gói thầu) khác nhau. Trong trường hợp không có đủ 3 đơn vị cung cấp dịch vụ thì xin ý kiến thẩm định giá của cơ quan, tổ chức có chức năng, nhiệm vụ thẩm định giá;

- Kết quả thẩm định giá (nếu có) của cơ quan, tổ chức có chức năng, nhiệm vụ thẩm định giá theo quy định của pháp luật;

- Giá thị trường tại thời điểm lập dự toán được tham khảo từ thông tin chính thống do các nhà cung cấp dịch vụ công bố trên mạng Internet;

- Giá gói dịch vụ tương tự trong thời gian trước đó gần nhất.

b) Chi phí đầu tư nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng kỹ thuật phù hợp để thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

c) Chi phí quản lý thực hiện kế hoạch, dự án thuê dịch vụ.

d) Chi phí tư vấn bao gồm: tư vấn lập kế hoạch, dự án thuê dịch vụ; tư vấn đấu thầu (nếu có); tư vấn giám sát thực hiện và các chi phí tư vấn khác (nếu có).

đ) Chi phí khác bao gồm các chi phí liên quan đến việc thuê chưa quy định tại các Điểm a, b, c và d nêu trên, được xác định bằng lấy báo giá theo thị trường, hoặc lập dự toán hoặc trên cơ sở tham khảo định mức chi phí tỷ lệ.

e) Chi phí dự phòng cho khối lượng công việc phát sinh được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) trên tổng các chi phí quy định tại các Điểm a, b, c, d và đ nêu trên. Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá được tính trên cơ sở độ dài thời gian thuê, sử dụng dịch vụ.

3. Điều chỉnh dự toán

a) Các trường hợp điều chỉnh dự toán:

- Trường hợp có yêu cầu phát sinh về chất lượng, số lượng dịch vụ cần thuê làm tăng giá thuê dịch vụ;

- Do doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đề xuất trong trường hợp trượt giá dịch vụ;

- Khi có nhà cung cấp khác đề xuất mức giá cung cấp thấp hơn từ 10% trở lên cho cùng loại dịch vụ với chất lượng tương đương;

- Xuất hiện các yếu tố bất khả kháng: động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất; chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh hoặc các sự kiện bất khả kháng khác và có tác động trực tiếp đến việc cung cấp dịch vụ;

- Khi chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin được cấp thẩm quyền điều chỉnh có ảnh hưởng trực tiếp tới phạm vi, quy mô, mục tiêu của kế hoạch, dự án thuê dịch vụ.

b) Thẩm quyền điều chỉnh dự toán:

- Chủ trì thuê dịch vụ tổ chức lập dự toán điều chỉnh trình Sở Thông tin và Truyền thông ra quyết định phê duyệt.

- Trường hợp thay đổi cơ cấu chi phí trong dự toán nhưng không vượt dự toán đã được phê duyệt, kể cả chi phí dự phòng thì Chủ trì thuê dịch vụ tự tổ chức điều chỉnh dự toán các hạng mục của kế hoạch, dự án theo đúng quy định của Pháp luật và chịu trách nhiệm về việc điều chỉnh của mình;

- Tùy điều kiện cụ thể của kế hoạch, dự án, Chủ trì thuê dịch vụ có thể tự lập dự toán điều chỉnh hoặc thuê các tổ chức, cá nhân có đủ năng lực để lập dự toán điều chỉnh theo đúng quy định của Pháp luật và chịu trách nhiệm về việc điều chỉnh của mình;

- Nội dung dự toán điều chỉnh được Chủ trì thuê dịch vụ hoặc Sở Thông tin và Truyền thông quyết định là một phần của kế hoạch hoặc của dự án thuê dịch vụ.

4. Lập kế hoạch, dự án thuê dịch vụ công nghệ thông tin

4.1. Chủ trì thuê dịch vụ thực hiện lập kế hoạch, dự án thuê dịch vụ công nghệ thông tin và trình lên Sở Thông tin và Truyền thông để xem xét, phê duyệt.

4.2. Căn cứ lập kế hoạch, dự án thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước bao gồm:

a) Căn cứ pháp lý;

b) Thuyết minh về mục đích, yêu cầu và nhu cầu thuê dịch vụ;

c) Nguồn vốn (hạn mức ngân sách dự kiến).

4.3. Kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin bao gồm: thuyết minh kế hoạch và dự toán.

a) Nội dung phần thuyết minh kế hoạch:

- Hiện trạng, sự cần thiết và mục tiêu thuê dịch vụ công nghệ thông tin;
- Xác định Chủ trì thuê dịch vụ; các hạng mục chính cần thuê dịch vụ; quy mô, phạm vi, khung thời gian thuê dịch vụ và các mốc thời gian chính thực hiện; địa điểm và cơ quan, đơn vị sử dụng dịch vụ;

- Phân chia các gói thầu, gói dịch vụ (sau đây gọi chung là gói thầu), nội dung của từng gói thầu và thời gian thuê dịch vụ. Đối với các dịch vụ công nghệ thông tin cần sử dụng thường xuyên, thời gian thuê dịch vụ phải đủ dài (tối thiểu 3 đến 5 năm), nhằm bảo đảm sự ổn định, liên tục, hiệu quả trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

- Xác định yêu cầu về chất lượng dịch vụ, phương án, cách thức, điều kiện cung cấp dịch vụ; làm rõ việc thuê phần mềm và việc sở hữu các thông tin, dữ liệu; phân tích về các thông tin, dữ liệu, phần mềm, tài sản hình thành trong quá trình cung cấp dịch vụ và phương án quản lý, chuyển giao cho bên thuê;

- Xác định yêu cầu về năng lực chuyên môn, tài chính, điều kiện kỹ thuật, công nghệ, kinh nghiệm và các yêu cầu khác đối với nhà cung cấp dịch vụ; yêu cầu về an toàn, bảo mật thông tin, dữ liệu; các yêu cầu khác để bảo đảm các nguyên tắc về thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước.

b) Dự toán: dự toán được lập căn cứ theo các nội dung của kế hoạch, các hạng mục, gói thầu trong kế hoạch và quy định lập dự toán tại **Điểm 2 Khoản II Mục C** của hướng dẫn này.

4.4. Dự án thuê dịch vụ công nghệ thông tin bao gồm: báo cáo dự án; tổng dự toán và báo cáo điều tra, khảo sát, nghiên cứu phân tích (nếu có).

a) Nội dung Báo cáo dự án:

Báo cáo dự án bao gồm các nội dung giống như **thuyết minh kế hoạch**, ngoài ra cần có thêm các nội dung sau:

- Kết quả điều tra, khảo sát, phân tích hiện trạng và yêu cầu thực tế;
- Thiết kế mô hình triển khai cung cấp, sử dụng dịch vụ; xác định yêu cầu, điều kiện, hạ tầng để sẵn sàng thuê dịch vụ: điều kiện cung cấp vật tư, thiết bị, kỹ thuật, công nghệ, phòng, chống cháy, nổ, bảo đảm an toàn thông tin, an toàn vận hành, an ninh, quốc phòng; quy trình nghiệp vụ để thuê dịch vụ;

- Khái toán tổng vốn của dự án (cho cả khung thời gian thuê dịch vụ của dự án), xác định nguồn vốn để thực hiện dự án, phân tích nhu cầu kinh phí theo tiến độ và khả năng tài chính. Phương án hoàn trả vốn (đối với dự án có yêu cầu thu hồi vốn);

- Xác định hình thức quản lý, giám sát, triển khai thực hiện dự án; mối quan hệ, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan.

b) Tổng dự toán dự án: tổng dự toán dự án được lập căn cứ theo các nội dung của dự án, các hạng mục, gói thầu trong dự án và quy định lập dự toán tại **Điểm 1 Khoản II Mục C** của hướng dẫn này.

III. Đối với Hiệp hội, Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực CNTT

Thông báo đến các tổ chức, doanh nghiệp, hội viên của Hiệp hội để tham gia cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin cho cơ quan nhà nước theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ Thông tin và Truyền thông.

D. Trình tự, thủ tục thực hiện

1. Đối với Sở Thông tin và Truyền thông, chịu trách nhiệm xem xét, quyết định việc thuê dịch vụ CNTT theo thẩm quyền đối với các dự án CNTT sử dụng vốn ngân sách Thành phố (Người có thẩm quyền):

1.1. Gửi thông báo và tiếp nhận thông tin nhu cầu, đề xuất kế hoạch, dự án thuê dịch vụ của các Chủ trì thuê dịch vụ. Thời gian cụ thể như sau:

- Thời gian gửi thông báo: ngày 01 tháng 10 hàng năm.
- Thời gian tiếp nhận thông tin đề xuất: từ 01 tháng 10 đến 31 tháng 10 hàng năm.

1.2. Tổng hợp nhu cầu, đề xuất của các Chủ trì thuê dịch vụ. Tổ chức họp giữa các phòng chuyên môn góp ý đề xuất thực hiện đối với kế hoạch, dự án thuê dịch vụ trên cơ sở nhu cầu chung của Thành phố và của từng cơ quan, đơn vị nhà nước.

1.3. Giám đốc Sở xem xét, quyết định danh mục kế hoạch, dự án thuê dịch vụ đáp ứng các nhu cầu, mục tiêu chung của Thành phố về: tính cấp thiết, quy mô đầu tư, đặc thù triển khai, ...

1.4. Gửi Sở Tài chính (nguồn vốn ngân sách sự nghiệp), Sở Kế hoạch và Đầu tư (nguồn vốn ngân sách tập trung) có ý kiến thẩm định danh mục kế hoạch, dự án thuê dịch vụ CNTT.

1.5. Sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định phê duyệt danh mục kế hoạch, dự án thuê dịch vụ CNTT.

1.6. Thông báo đến Chủ trì thuê dịch vụ thực hiện lập kế hoạch, dự án thuê dịch vụ theo hướng dẫn tại **Điểm 4 Khoản II Mục C** của hướng dẫn này.

1.7. Phê duyệt kế hoạch (bao gồm: thuyết minh kế hoạch và dự toán), dự án (bao gồm: báo cáo dự án; tổng dự toán và báo cáo điều tra, khảo sát, nghiên cứu phân tích (nếu có)) thuê dịch vụ công nghệ thông tin quyết định việc thẩm định nội dung kế hoạch, dự án, hoặc lấy ý kiến tham vấn của các cơ quan chuyên môn đồng cấp làm căn cứ phê duyệt kế hoạch, dự án. Xem xét điều chỉnh Quyết định phê duyệt trong trường hợp Chủ trì thuê dịch vụ trình điều chỉnh dự toán vượt so với dự toán đã được phê duyệt.

1.8. Giám sát, theo dõi, kiểm tra, đánh giá định kỳ về mặt chuyên môn, xác định mức độ đạt được so với yêu cầu nhằm đảm bảo việc thuê dịch vụ công nghệ thông tin đạt hiệu quả, phù hợp với mục tiêu, chương trình và kế hoạch ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước.

1.9. Công khai rộng rãi trên cổng, trang thông tin điện tử của cơ quan mình các nội dung thông tin về kế hoạch, dự án thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

2. Đối với các cơ quan, đơn vị nhà nước (Chủ trì thuê dịch vụ)

2.1. Gửi đề xuất, nhu cầu kế hoạch, dự án thuê dịch vụ hàng năm cho Sở Thông tin và Truyền thông trước ngày 31 tháng 10.

2.2. Lập dự toán kinh phí thực hiện, tổng hợp vào dự toán ngân sách của cơ quan, đơn vị mình gửi cơ quan tài chính, kế hoạch đầu tư để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2.3. Thực hiện lập kế hoạch, dự án thuê dịch vụ công nghệ thông tin và trình lên Sở Thông tin và Truyền thông xem xét phê duyệt.

2.4. Lựa chọn nhà cung cấp, nhà thầu và triển khai thực hiện cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin cho cơ quan nhà nước theo quy định của Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, quy định hiện hành của pháp luật về đấu thầu và các quy định của pháp luật khác liên quan.

2.5. Thực hiện thanh toán hợp đồng, lập hồ sơ quyết toán và cung cấp chứng từ, hồ sơ nghiệm thu quyết toán cho Sở Thông tin và Truyền thông theo quy định

2.6. Có trách nhiệm hoàn trả, giao nộp toàn bộ kinh phí vào ngân sách Thành phố và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố khi không hoàn thành các công việc, hạng mục được giao và các thủ tục thanh, quyết toán theo quy định của nhà nước.

2.7. Gửi báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ đối với hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và kết quả sử dụng ngân sách được cấp theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước cho các cơ quan có thẩm quyền về quản lý nguồn vốn như sau:

- Báo cáo 6 tháng, chậm nhất vào ngày 15 tháng 7 của năm kế hoạch;
- Báo cáo năm, chậm nhất vào ngày 31 tháng 01 của năm sau;
- Báo cáo kết thúc, chậm nhất 3 tháng sau khi kết thúc hợp đồng thuê dịch vụ.

Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn đến các cơ quan, đơn vị, Hiệp hội, doanh nghiệp để biết thực hiện và tham gia. Trường hợp có vướng mắc trong quá trình thực hiện, các đơn vị gửi thông tin về Sở Thông tin và Truyền thông để xem xét, giải quyết hoặc kiến nghị các cấp có thẩm quyền giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND Thành phố (để báo cáo);
- Ban Giám đốc;
- Các phòng: CNTT, BCVT, TTĐT;
- TT CNTT – TT;
- QTSC;
- Lưu: VT, KHTH (PTC_60).

GIÁM ĐỐC



Lê Thái Hỷ